

Bản án số: 3637/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hương Thủy

2. Ông Phạm Văn Phước

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4979/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5910/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lý Hùng L, sinh năm: 1977; CCCD số: xxxxxxx3666; Địa chỉ: Số A Khu vực B, phường C, quận D, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm: 1977; CMND số: xxxxx2240; Địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lý Hùng L trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Đ tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Ông bà chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, hai bên đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, không thể quay lại chung sống với nhau nên ông

L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Đ không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng phía bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chứng tỏ bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ. Xét trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn mặc dù đã được Tòa án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy bị đơn đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Hùng L

Về hôn nhân: Ông Lý Hùng L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Lý Hùng L và bà Nguyễn Thị Kim Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Cần Thơ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lý Hùng L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0008365 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Lý Hùng L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lý Hùng L, bà Nguyễn Thị Kim Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thái Bình

